

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 11 - 4 - 2025.

V/v: tranh chấp “ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tám.

2. Bà Mai Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Hồ Thu Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 225/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp “ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: thôn Q, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/11/2024, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị và anh M tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 15/01/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì

xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh M thường xuyên đánh đập chị. Tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh M.

- Về con chung: có 01 cháu tên là Nguyễn Quốc A, sinh ngày 19/12/2008. Chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có. Chị không yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh M nhưng anh vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ; bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn cư trú tại tổ dân phố H, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con nên quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp “*ly hôn, nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh M tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 15/01/2008 nên là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo chị T trình bày là do anh M thường xuyên đánh đập chị. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh M nhưng anh vắng mặt và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị T. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2.2] Về con chung: Chị T yêu cầu được nuôi con. Hiện nay, chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc A. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh M nhưng anh vắng mặt và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu nuôi con của chị T. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu A, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu A cho chị Trung trực T1 nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: không có.

[3]. Về án phí ly hôn: chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc tranh chấp "*ly hôn, nuôi con*".

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Quốc A, sinh ngày 19/12/2008 cho chị Trung trực T1 nuôi dưỡng đến khi thành niên (*đủ 18 tuổi*). Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí ly hôn là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, chị Nguyễn Thị T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010588 ngày 03/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/4/2025), đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Tịnh Hòa, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (GCNKH số 05 ngày 15/01/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ